

Số: 23 /TVO

Tân Bình, ngày 04 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024
của Trường Tiểu học Trần Văn ƠN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông báo số 22/TB-TCKH ngày 04 tháng 04 năm 2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Tân Bình về xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường Tiểu học Trần Văn ƠN (đính kèm quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2024).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu, Trường ban nhân dân thanh tra, Tổ chức công đoàn nhà trường, kế toán đơn vị và các bộ phận cá nhân có liên quan thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- P.TCKH;
- PGD&ĐT;
- Như điều 3;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Hồ Thị Trúc Linh

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường TH Trần Văn Ôn

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 23/QĐ- TVO ngày 04/04/2025 của Trường TH Trần Văn Ôn)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	0	0	0	
I	Chi sự nghiệp	0	0	0	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			0	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			0	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	12.068	12.068	0	
		12.068	12.068	0	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.367,7	7.367,7	0	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.700,5	4.700,5	0	

Ngày 04 tháng 04 năm 2025

Hiệu trưởng



Hồ Thị Trúc Linh

CÔNG KHAI
THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
NĂM 2024

A. Dự toán giao :

- Kinh phí thực hiện tự chủ/kinh phí thường xuyên (nguồn 13)	:	7.393.300.184 đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	22.027.184 đồng
+ Giao đầu năm	:	6.594.273.000 đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:	777.000.000,00 đồng
- Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, Nghị Quyết 08 (nguồn 14)	:	5.554.716.219 đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	1.041.187.219,00 đồng
+ Giao đầu năm	:	3.613.529.000,00 đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:	900.000.000,00 đồng
- Kinh phí không thực hiện tự chủ/không thường xuyên (nguồn 12)	:	448.857.000 đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	- đồng
+ Giao đầu năm	:	448.857.000 đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:	- đồng
- Kinh phí không thực hiện tự chủ/không thường xuyên (nguồn 18)	:	178.433.000 đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	- đồng
+ Giao đầu năm	:	- đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:	178.433.000 đồng

B. Tình hình thực hiện dự toán chi NSNN năm 2024

I. Kinh phí không thực hiện tự chủ (nguồn 12)	:	438.295.648 đồng
- Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	:	173.118.126 đồng
- Phụ cấp ưu đãi nghề	:	140.597.522 đồng
- Các thiết bị công nghệ thông tin	:	47.140.000 đồng
- Chi mua hàng hóa, vật tư	:	77.440.000 đồng
II. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13)	:	7.367.662.918 đồng
- Lương theo ngạch bậc	:	3.302.268.388 đồng
- Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	:	31.071.000 đồng
- Phụ cấp chức vụ	:	52.164.000 đồng
- Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	:	- đồng
- Phụ cấp ưu đãi nghề	:	1.089.822.321 đồng
- Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	:	10.026.000 đồng
- Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	:	562.704.905 đồng
- Phụ cấp khác	:	- đồng
- Thường xuyên	:	35.334.000 đồng
- Bảo hiểm xã hội	:	668.946.050 đồng



- Bảo hiểm y tế	:	118.049.307	đồng
- Kinh phí công đoàn	:	78.699.538	đồng
- Bảo hiểm thất nghiệp	:	39.349.770	đồng
- Bảo hiểm TNLĐ, BNN	:	19.674.884	đồng
- Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	:	-	đồng
- Chi hỗ trợ khác	:	84.114.000	đồng
- Tiền điện	:	127.813.851	đồng
- Tiền nước	:	21.596.952	đồng
-Tiền vệ sinh môi trường	:	21.235.356	đồng
- Văn phòng phẩm	:	24.959.212	đồng
- Vật tư văn phòng	:	10.697.800	đồng
- Cước phí điện thoại, thuê bao, đường điện thoại, fax	:	670.185	đồng
- Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao truyền hình cáp, cước phí internet; thuê đường truyền	:	13.750.299	đồng
- Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	:	1.536.000	đồng
- Công tác phí	:	12.000.000	đồng
- Thiết bị các loại	:	-	đồng
- Thuê lao động trong nước	:	195.720.000	đồng
- Thuê đào tạo lại cán bộ	:	-	đồng
- Tài sản và thiết bị chuyên dùng	:	8.225.962	đồng
- Nhà cửa	:	-	đồng
- Các thiết bị công nghệ thông tin	:	65.770.000	đồng
- Tài sản và thiết bị văn phòng	:	8.316.000	đồng
- Đường điện, cấp thoát nước	:	24.760.760	đồng
- Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	:	-	đồng
- Chi mua hàng hóa, vật tư	:	43.102.049	đồng
- Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	:	6.000.000	đồng
- Chi hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	:	11.889.002	đồng
- Chi khác	:	66.177.227	đồng
- Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	:	3.987.500	đồng
- Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	:	-	đồng
- Chi lập quỹ bổ sung thu nhập, quỹ dự phòng ổn định thu nhập	:	315.759.912	đồng
- Chi lập quỹ phúc lợi	:	212.530.710	đồng
- Chi lập quỹ khen thưởng	:	18.216.918	đồng
- Chi lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	:	60.723.060	đồng
III. Kinh phí không thực hiện tự chủ (nguồn 14)	:	4.083.816.308	đồng
- Lương theo ngạch bậc	:	-	đồng
- Phụ cấp chức vụ	:	-	đồng
- Bảo hiểm xã hội	:	-	đồng
- Bảo hiểm y tế	:	-	đồng
- Kinh phí công đoàn	:	-	đồng
- Bảo hiểm thất nghiệp	:	-	đồng
- Bảo hiểm TNLĐ, BNN	:	-	đồng
- Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND	:	4.083.816.308	đồng
IV. Kinh phí không thực hiện tự chủ (nguồn 18)	:	178.433.000	đồng
- Thưởng khác	:	178.433.000	đồng

Đánh giá :

- Tổng chi NSNN năm 2024 là : 12.068.207.874 đồng, đạt 88,9% dự toán năm và 134,0% so với cùng kỳ năm trước .

- Kinh phí thực hiện tự chủ/TX (nguồn 13) năm 2024 là : 7.367.662.918 đồng, đạt 99,7% DT năm và 143,3% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân :

+ Do điều chỉnh dự toán kinh phí thường xuyên tạm giao không tự chủ sang kinh phí thường xuyên giao tự chủ

- Kinh phí không thực hiện tự chủ/không TX (nguồn 14) năm 2024 là : 4.083.816.308 đồng, đạt 73,5% DT năm và 131,8% so với cùng kỳ năm trước.

- Kinh phí không thực hiện tự chủ/không TX (nguồn 12) năm 2024 là : 438.295.648 đồng, đạt 97,6% so với dự toán năm .

- Kinh phí không thực hiện tự chủ/không TX (nguồn 18) năm 2024 là : 178.433.000 đồng, đạt 0,0%

Tân Bình, ngày 04 tháng 04 năm 2025

Kế toán



Cao Thị Duyên

Hiệu trưởng



Hồ Thị Trúc Linh

